

---

## TRAO ĐỔI

---

# Khơi thông nguồn lực tài chính cho ứng dụng công nghệ cao vào phục vụ sản xuất và cuộc sống

Bùi Tiến Dũng<sup>1,\*</sup>, Trịnh Thanh Thủy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Trường Quản lý KH&CN, Bộ KH&CN, 38 – Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội*

<sup>2</sup>*Trung tâm Công nghệ thông tin, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội*

Nhận ngày 01 tháng 04 năm 2016

Chỉnh sửa ngày 19 tháng 5 năm 2016; Chấp nhận đăng ngày 23 tháng 6 năm 2016

**Tóm tắt:** Bài viết đề cập đến những yêu cầu, thách thức và cơ hội của Việt Nam đang đặt ra hiện nay đối với việc đưa công nghệ cao vào cuộc sống. Để ứng dụng công nghệ cao thành công phục vụ trực tiếp các ngành lĩnh vực kinh tế và đời sống xã hội cần tập trung vào phát huy nội lực hay kêu gọi đầu tư nước ngoài. Bài viết này đề xuất một số hoạt động nhằm khơi thông nguồn lực tài chính phục vụ thiết thực cho việc tiếp nhận và ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và đời sống.

*Từ khóa:* Khoa học và công nghệ, tài chính, doanh nghiệp.

### 1. Yêu cầu và thách thức đối với ứng dụng công nghệ cao ở nước ta hiện nay

Không chỉ những năm đầu thế kỷ 21 có thể ghi nhận được việc các nước chậm phát triển, cũng như các nước đang phát triển đã tụt hậu và thua thiệt trong quan hệ trao đổi quốc tế. Nguyên nhân chính là thiếu chủ động về nguồn nhân lực KH&CN chất lượng cao, bất cập trong tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng, điều chỉnh các quy định pháp lý chưa phù hợp, v.v...

Với bối cảnh nước ta hiện nay, ứng dụng công nghệ cao là vấn đề thiết yếu cần phải được thực hiện một cách khoa học và thực tế hơn. Trình độ công nghệ của các doanh nghiệp sản xuất trong nước tụt hậu từ hai đến ba, bốn thế

hệ so với thế giới. Theo kết quả khảo sát sơ bộ về trình độ công nghệ 2015, hơn 70% máy móc thiết bị được sản xuất từ những năm 1970; 75% máy móc thiết bị đã hết thời gian khấu hao; 50% máy móc thiết bị được tân trang. Về cơ bản, có đến trên 55% máy móc thiết bị được đánh giá là lạc hậu và rất lạc hậu. Về trình độ công nghệ, không có doanh nghiệp nào đạt trình độ công nghệ tốt; trong đó các doanh nghiệp có trình độ công nghệ trung bình, lạc hậu 35% và rất lạc hậu 44%; trình độ công nghệ khá cũng chỉ khiêm tốn ở mức 21%. Đòi hỏi ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất tại các doanh nghiệp và cơ sở sản xuất hiện nay là vấn đề cần nghiêm túc xem xét. Vấn đề thách thức đang đặt ra hiện nay là làm sao tạo ra cầu nối hữu hiệu giữa doanh nghiệp và tổ chức nghiên cứu khoa học (viện nghiên cứu, trường đại học,...) đẩy nhanh quá trình chuyển đổi hoạt động của

---

\* Tác giả liên hệ. ĐT.: 84-946488388  
Email: buitiendung2302@gmail.com

các tổ chức nghiên cứu KH&CN công lập và tạo lập môi trường pháp lý, kỹ thuật, thương mại thuận lợi cho KH&CN phát triển.

Trong điều kiện nước ta vốn đầu tư tài chính cho KH&CN còn hạn hẹp, trình độ phát triển kinh tế và KH&CN còn có khoảng cách khá xa so với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. Nhìn lại, thời gian qua mức đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN được tăng liên tục hàng năm, từ 0,78% tổng chi Ngân sách Nhà nước (năm 1996) lên 1,28% (các năm 1998, 1999) và đã đạt 2% tổng chi Ngân sách từ năm 2000 cho đến nay. Tuy nhiên một vấn đề lớn vẫn phải đặt ra, đó là hàm lượng KH&CN trong hàng hóa Việt Nam vẫn rất thấp, sản phẩm KH&CN ít ỏi và bị hạn chế. Nói cách khác năng suất và chất lượng sản phẩm KH&CN thấp. Trong bối cảnh hiện nay, việc chỉ ra và giải quyết vấn đề nâng cao năng lực KH&CN với một nước có thu nhập trung bình thấp như Việt Nam là một việc làm không đơn giản.

Hiện tại cơ hội lớn chưa từng có cho phát triển KH&CN và kinh tế đang mở ra như trong kỳ Đại hội XII vừa qua, Đảng tiếp tục khẳng định con đường đổi mới theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đưa đất nước cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020 [1]. Cùng với đó, Chính phủ đã ký nhiều cam kết quốc tế quan trọng như: Các thỏa thuận trong khuôn khổ AFTA, Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ, tham gia WTO; ký kết TPP (ngày 4 tháng 2 năm 2016); v.v... Vận hội mở ra tạo tiền đề khơi dậy, phát huy năng lực KH&CN nội sinh phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Bên cạnh đó, đầu tư cho KH&CN cả trong và ngoài nước được chú trọng hơn và từng bước tiến tới xã hội hóa. Cụ thể hơn, Nhà nước đã đầu tư xây dựng hạ tầng KH&CN hiện đại, bao gồm hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm cấp quốc gia, khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh, khu công nghệ cao Hòa Lạc,... Đặc biệt là đầu tư có chiều sâu vào lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm phát triển nguồn nhân lực KH&CN trình độ cao, cụ thể như: Đề án 599 (nổi tiếp Đề án 322), Đề án 165,...

Vậy, đâu là động lực để phát triển kinh tế - xã hội, mà trực tiếp nhất là phát triển KH&CN đất nước. Vậy, làm thế nào để phát huy các nguồn lực xã hội, huy động trí tuệ của cả dân tộc.

## 2. Thời cơ khơi thông các nguồn lực cho ứng dụng công nghệ cao

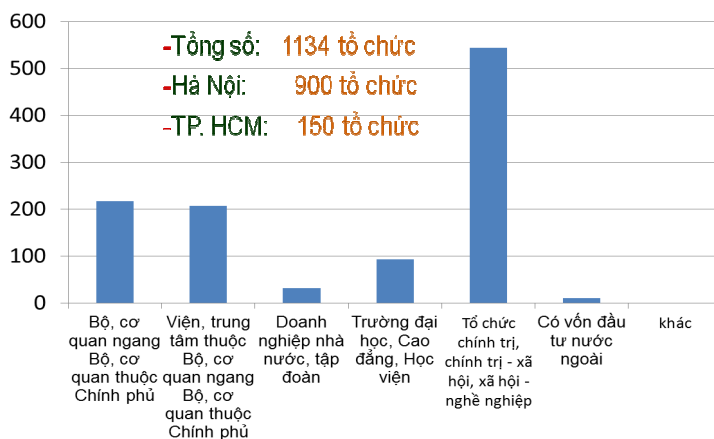
Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2020 đã xác định một trong ba mục tiêu chủ yếu của KH&CN là góp phần quyết định nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế; năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá; phần đầu tư tiềm lực KH&CN nước ta đạt trình độ trung bình tiên tiến trong khu vực. Cùng với đó, bối cảnh toàn cầu hoá kinh tế, với đường lối đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ quốc tế, vị thế địa chính trị của Việt Nam có tầm ảnh hưởng lớn hơn trong khu vực và thế giới. Cơ hội khơi thông các nguồn lực cho phát triển KH&CN ở nước ta là rất lớn. Cùng với các nguồn đầu tư tài chính cho KH&CN tiềm năng từ các kênh khác nhau không thiếu, các nguồn lực cơ bản khác cho ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và đời sống đã có sự chuẩn bị:

*Một là nguồn nhân lực KH&CN đã qua đào tạo:* Yêu cầu khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực KH&CN có đã qua đào tạo và hệ thống tổ chức KH&CN Việt Nam đang được cả xã hội quan tâm. Hiện nay nước ta đang có khoảng 1.600 cơ sở nghiên cứu đang hoạt động thuộc Trung ương và địa phương.

Các cơ sở này đang có một lực lượng lao động trên 20 nghìn người đã qua đào tạo từ trình độ đại học trở lên. Hiện nay nước ta có khoảng 470 trường đại học và cao đẳng, trên 65.000 cán bộ giảng dạy ở các trường đại học và cao đẳng; hằng năm có khoảng hơn 170.000 sinh viên tốt nghiệp đại học và khoảng 80.000 sinh viên tốt nghiệp cao đẳng trong nước, chưa kể lượng sinh viên, nghiên cứu sinh, tu nghiệp sinh được đào tạo ở nước ngoài. Với nguồn nhân lực và hệ thống cơ sở nghiên cứu, đào tạo phong phú nói trên, yêu cầu KH&CN sử dụng lực lượng sản xuất trực tiếp này sao cho hiệu quả đang đặt ra.

Hai là nguồn lực cơ sở vật chất cơ bản được hình thành: Yêu cầu sử dụng hiệu quả cơ sở hạ tầng KH&CN hiện đại đã đầu tư bao gồm: Vườn ươm công nghệ FPT, Vườn ươm doanh nghiệp công nghệ Tinh Vân, Vườn ươm CRC (Trường Đại học Bách khoa Hà Nội), Vườn ươm Phú Thọ (Trường Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh), Vườn ươm doanh nghiệp chế biến thực phẩm Hà Nội (HBI), Vườn ươm doanh nghiệp phần mềm thành phố Hồ Chí Minh (SBI), Trung tâm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao Hoà Lạc (Ban quản lý Khu Công nghệ cao Hoà Lạc),... Các vườn ươm này đã tập trung vào một số lĩnh vực công nghệ quan trọng có tác động đến nhiều ngành, lĩnh vực như: công nghệ thông tin và

truyền thông; công nghệ sinh học phục vụ nông nghiệp, thủy sản, y tế; công nghệ tự động hoá, vi điện tử; công nghệ vật liệu mới; công nghệ nano; công nghệ chế biến, xử lý chất thải, v.v... Cùng với đó, chợ công nghệ và thiết bị cấp quốc gia và địa phương được tổ chức thường xuyên, các sàn giao dịch công nghệ ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh,... được thành lập và đã hoạt động. Hệ thống tổ chức trung gian môi giới, tư vấn, dịch vụ định giá, kiểm định công nghệ đang được hình thành ở các bộ, ngành, địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu, kể cả ở khu vực nhà nước và tư nhân. Về tổng thể, các điều kiện tiên quyết cho KH&CN thực sự trở thành lực lượng lao động trực tiếp ở nước ta về cơ bản đã sẵn sàng.



Nguồn: VP đăng ký, Bộ KH&CN

Biểu đồ 1. Tỷ lệ các tổ chức KH&CN đã đăng ký hoạt động tại Bộ KH&CN (số liệu tính đến 30/9/2011).

Ba là doanh nghiệp trong và ngoài nước có xu hướng đầu tư cao hơn cho KH&CN: Tỷ trọng đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp trong tổng đầu tư cho KH&CN đã tăng từ 33% năm 2007 lên gần 50% năm 2010. Hạn chế về KH&CN là một trong những nguyên nhân của tình trạng hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam dù tăng trưởng cao, nhưng hiệu quả kinh tế thấp [2]. Ngược lại với hầu hết các nước trên thế giới, hiện nay đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam cho KH&CN chỉ khoảng 1% GDP và tập trung vào các doanh nghiệp lớn, chủ yếu là

doanh nghiệp nhà nước. Đầu tư cho nghiên cứu và phát triển tại khu vực doanh nghiệp chiếm một tỷ lệ rất hạn chế, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp nặng như các doanh nghiệp cơ khí - điện tử chỉ dành chưa đến 1% doanh thu cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Ngành chế biến thực phẩm có mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển ở mức cao nhất là khoảng 2,9% doanh thu, v.v... Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2012-2013 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cho thấy, mức độ hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp

nước ta đứng vị trí rất thấp (98/133). Yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất cần tập trung đầu tư mạnh hơn cho KH&CN

Ngoài ra còn những tiền đề về chính trị, kinh tế, xã hội khác đã mở ra và thuận lợi nhất từ trước tới nay.

Những lý giải trên cho thấy, ở nước ta hiện nay, yêu cầu KH&CN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp trở lên cần thiết hơn bao giờ hết. Nếu không, hậu quả là nước ta sẽ tụt hậu sâu và khoảng cách về kinh tế, xã hội, KH&CN,... với các nước trong khu vực và trên thế giới ngày một lớn.

### 3. Chính sách hỗ trợ phát triển và ứng dụng công nghệ cao thời gian qua

Thực tiễn hiện nay cho thấy việc huy động nguồn lực của xã hội vào hoạt động KH&CN vẫn dừng lại ở mức độ “kêu gọi”; đầu tư cho KH&CN còn thấp, ngân sách nhà nước chủ yếu vẫn dành cho việc trả lương và tăng thu nhập cho người hoạt động trong lĩnh vực KH&CN, hiệu quả sử dụng và giá trị thực dành cho KH&CN chưa cao [3]. Việc đào tạo, trọng dụng, đãi ngộ cán bộ KH&CN còn nhiều bất cập [4]. Cơ chế quản lý hoạt động KH&CN chậm được đổi mới [5]. Công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển KH&CN chưa gắn với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; cơ chế tài chính còn chưa hợp lý [6,7]. Thị trường KH&CN phát triển chậm, chưa gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo với nhu cầu sản xuất, kinh doanh và quản lý. Hợp tác quốc tế về KH&CN còn thiếu định hướng chiến lược, hiệu quả thấp. Kết quả ứng dụng và đổi mới KH&CN của các doanh nghiệp hiện nay chiếm tỷ lệ nhỏ trong số các doanh nghiệp đang hoạt động hiện nay.

Để giải quyết những tồn tại ở trên, Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 31/10/2012 về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Quốc hội thông qua Luật KH&CN năm 2013 và Chính phủ ban

hành các Nghị định hướng dẫn thực hiện, cụ thể như sau: Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 hướng dẫn những vấn đề liên quan đến thành lập tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN; đánh giá độc lập tổ chức KH&CN; trình tự, thủ tục xác định, phê duyệt nhiệm vụ KH&CN đặc biệt; hội đồng tư vấn KH&CN, tổ chức, chuyên gia tư vấn độc lập; kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ KH&CN; thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước; phát triển thị trường KH&CN; Nghị định số 40/2014/NĐ-CP Quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN; Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 04 năm 2014 về tổ chức và hoạt động của quỹ phát triển KH&CN quốc gia; Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN, v.v...

Thấy được tầm quan trọng của cơ chế đầu tư, tài chính và chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ phục vụ phát triển KH&CN hướng giải pháp thời gian qua đã tập trung vào các vấn đề như: Hướng dẫn chi tiết, rõ ràng để thực hiện các Nghị định của Chính phủ về cơ chế tổ chức, đầu tư, tài chính và chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao; Giải quyết mối liên hệ giữa thẩm quyền, trình tự, thủ tục thành lập tổ chức KH&CN và thẩm quyền, trình tự, thủ tục đăng ký hoạt động KH&CN; giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện việc cấp kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN thông qua quỹ phát triển KH&CN; giải quyết những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện xây dựng kế hoạch, lập dự toán và phân bổ ngân sách nhà nước cho KH&CN theo Điều 5 của Nghị định 95/2014/NĐ-CP của Chính phủ về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động KH&CN; Giải quyết những khó khăn doanh nghiệp gặp phải về vốn cho đầu tư đổi mới công nghệ và các doanh nghiệp phải vay vốn với lãi suất cao nên khó có điều kiện để thực hiện hoạt động nghiên cứu, phát triển hoặc nhận chuyển giao công nghệ tiên tiến từ nước ngoài. Những cơ chế,

chính sách hiện nay cần được bổ sung, sửa đổi như thế nào để giải quyết khó khăn này.

Đề thúc đẩy các doanh nghiệp đẩy mạnh ứng dụng khoa học, thực hiện hoạt động nghiên cứu và phát triển, hoạt động giải mã công nghệ, làm chủ công nghệ, Chính phủ đã ban hành nhiều Chương trình quốc gia về phát triển KH&CN như Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020; Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020; Chương trình phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020; Chương trình mục tiêu quốc gia về Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2012-2015; Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm; Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”; Thành lập Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; Thành lập Quỹ đầu tư và phát triển KH&CN; Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2020; Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020; Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020; Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011 - 2015; chương trình quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020; Phê duyệt Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển...

#### 4. Những khó khăn, vướng mắc cần biện pháp tháo gỡ

*Thứ nhất, từ việc tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách:*

Cơ chế thực thi đồng bộ trong việc triển khai các chính sách pháp luật về thực hiện các Chương trình phát triển KH&CN, trong đó cơ chế phối hợp giữa các cơ quan có chức năng

quản lý và hỗ trợ doanh nghiệp; cần có giải pháp thực hiện như thế nào;

Biện pháp phổ biến thông tin về các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, phát triển sản phẩm mới không có tác dụng.

Biện pháp tạo mối liên kết giữa hai mắt xích trụ cột gồm trường đại học, viện nghiên cứu và tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia nghiên cứu để phát triển ý tưởng từ nghiên cứu đến thử nghiệm và ứng dụng trong thực tế vẫn ở mức độ khuyến khích.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý KH&CN, cho đội ngũ cán bộ đang hoạt động trong lĩnh vực KH&CN để có thể tạo tác động lan tỏa hơn nữa trong việc phát triển hoạt động sản xuất, nghiên cứu và ứng dụng theo hướng năng động và hiện đại hóa đã trở lên không đúng hướng.

*Thứ hai, từ việc quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đầu tư cho KH&CN:*

Hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn tài chính cho KH&CN tại các đơn vị hiện này chưa được chú trọng đúng mức. Thực tế cho thấy, việc phân bổ các nguồn tài chính cho KH&CN thể hiện như sau:

Phân bổ tài chính cho KH&CN theo đơn vị sử dụng kinh phí đảm bảo duy trì thu nhập cho cán bộ; kinh phí cho hoạt động KH&CN chưa giao theo tầm quan trọng của dự án, đề án cho các đơn vị có đủ năng lực;

Quy định về quản lý tài chính đối với hoạt động KH&CN đã hình thành “tập quán” kiểm soát các khoản chi chặt chẽ từ dự toán đến quyết toán. Các khoản chi phải có hóa đơn, chứng từ để chứng minh cực kỳ chi tiết.

*Thứ ba, vẫn có cửa để “ăn thật” và “làm giả”:*

Tâm lý “làm giả” và “ăn thật” đã trở thành một trào lưu phổ biến trong nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ tạo tâm lý hoài nghi của toàn xã hội trong hiệu quả đầu tư cho phát triển KH&CN và sự phát triển KH&CN

đất nước. Hậu quả là việc huy động các nguồn lực tài chính từ xã hội gần như ở mức “mơ hồ”, nhà nước vẫn “đơn thân” trong đầu tư tài chính cho hoạt động KH&CN. Trong xã hội vẫn còn luồng tư tưởng “không ai làm thay nhà nước trong việc đầu tư cho KH&CN”

Ngoài ra còn nhiều vướng mắc chủ quan khác làm cho việc khơi thông các nguồn tài chính cho phát triển, ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao vào phục vụ sản xuất, kinh doanh và thực tế đời sống xã hội đã tới mức gần như “không thể”, nhất là những công nghệ đòi hỏi nguồn đầu tư lớn.

### **5. Một số giải pháp khơi thông nguồn lực tài chính để KH&CN trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp**

*Một là, tăng cường vai trò hỗ trợ của hệ thống cơ quan quản lý Nhà nước trong thúc đẩy phát triển KH&CN.* Ngoài vai trò hoạch định chính sách và định ra sân chơi, luật chơi cho các hình thức đầu tư tài chính phát triển KH&CN như: Đảm bảo tuân thủ pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, sáng kiến... thuộc sở hữu của doanh nghiệp; các cơ quan quản lý dẫn dắt và khuyến khích các doanh nhân tiếp cận, khai thác ứng dụng và đầu tư cải tiến công nghệ, ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất kinh doanh; khuyến khích, giúp đỡ nhà khoa học làm khoa học thực thụ và hướng trở thành các nhà tư vấn công nghệ chuyên nghiệp; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất trở thành doanh nghiệp KH&CN và kinh doanh sáng chế; thu hút, thúc đẩy các nhà khoa học, nhà đầu tư, doanh nhân, doanh nghiệp và các tổ chức tư vấn, dịch vụ tham gia thị trường KH&CN;...

Nhà nước cũng cần có cơ chế hỗ trợ sự liên kết giữa các tổ chức, cá nhân KH&CN với doanh nghiệp thực hiện các dự án đổi mới công nghệ trên cơ sở khoán kết quả đầu ra của sản phẩm và áp dụng chế tài đối với các tổ chức KH&CN, thay vì chỉ đầu tư cho giai đoạn đầu đối với phần nghiên cứu và phát triển sản phẩm

của mỗi doanh nghiệp. Có thể tham khảo Quỹ kết nối toàn cầu của chính phủ Úc (<http://globalconnectionsfund.org.au>) - đây được xem là phương tiện dẫn hướng cho sự hợp tác giữa những nhà nghiên cứu của Úc và những nhà nghiên cứu nước ngoài đang làm việc trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ (SEM) và những doanh nghiệp SEM Úc với các nhà nghiên cứu nước ngoài có sự liên kết chéo trong 17 lĩnh vực kinh tế cơ bản.

*Hai là, có chính sách gắn kết giữa nghiên cứu và sản xuất theo hướng hình thành các tổ chức KH&CN bên trong doanh nghiệp.*

Muốn khơi thông nguồn lực tài chính đầu tư cho KH&CN cũng đồng nghĩa với việc phải gắn kết giữa nghiên cứu với thực tiễn. Chẳng hạn cần có chính sách khuyến khích sự hình thành các tổ chức KH&CN tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Chính những tổ chức này mới nắm bắt được chính xác nhu cầu thực tiễn trong sản xuất, thương mại của doanh nghiệp cũng như nắm bắt được xu hướng công nghệ tiên tiến trên thế giới trong lĩnh vực doanh nghiệp quan tâm. Huy động sự tham gia của các tổ chức này trong quá trình thẩm định, đánh giá công nghệ được nhập khẩu, chuyển giao vào Việt Nam,... Cần có cách thức tác động thích hợp để hỗ trợ doanh nghiệp khai thác hiệu quả nguồn lực thông tin cho nghiên cứu phát triển, đặc biệt trong khai thác kho thông tin sáng chế với hơn 30 triệu bản mô tả sáng chế (trên tổng số 50 triệu bản được công bố trên thế giới), kho lưu trữ hơn 10.000 báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài, dự án (trong đó có hơn 3.000 báo cáo đề tài, dự án cấp nhà nước, gần 4.000 báo cáo đề tài, dự án cấp bộ) hiện đang do Bộ KH&CN quản lý, chưa kể hơn 7.000 đầu tạp chí giấy và hơn 15.000 đầu mục tạp chí điện tử học công nghệ nổi tiếng trên thế giới. Nhiệm vụ của lực lượng doanh nghiệp KH&CN sẽ là biến những giá trị tài sản trí tuệ nói trên thành sản phẩm công nghệ, thành hàng hóa trong nước có khả năng thương mại hóa.

Ba là, cần nâng cao quy mô và hiệu quả đầu tư cho nghiên cứu và phát triển tại khu vực doanh nghiệp (lực lượng sản xuất trực tiếp hàng

đầu). Doanh nghiệp cần xác định được hướng đi cũng như nhu cầu thực sự đối với đầu tư cho KH&CN, kết hợp với phần được hỗ trợ từ Nhà nước, như: nguồn tài chính từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia, ưu đãi về thuế, sử dụng đất, ưu đãi sử dụng trang thiết bị... sẽ giúp cho doanh nghiệp xác định được mục tiêu cũng như chiến lược để đầu tư hiệu quả.

*Bốn là, cần coi trọng yếu tố con người, không chỉ người trong nước.* Trước khi khơi thông nguồn lực tài chính cần coi trọng yếu tố con người, cụ thể là Nhà nước, tổ chức KH&CN và doanh nghiệp cần tích cực chủ động hội nhập quốc tế, khu vực về chuẩn mực tay nghề, lao động có kỹ năng; có chính sách ưu đãi về xuất nhập cảnh, cư trú gắn với điều kiện, trình tự thủ tục đơn giản đối với trường hợp các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ nước ngoài tới làm việc tại các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp ở nước ta. Bên cạnh đó, tránh đảinộ “nhầm đối tượng”, gây lãng phí nguồn tài chính quốc gia và còn gây sự phản cảm trong cộng đồng khoa học.

*Ngoài ra, cần kết hợp chặt chẽ việc xây dựng và hoàn thiện các thiết chế xã hội với việc xây dựng đạo đức, văn hóa nghề nghiệp.* Trong điều kiện hiện nay, những bất cập, tha hóa về nhân cách cán bộ, công chức, viên chức không chỉ trong lĩnh vực quản lý nhà nước về KH&CN mà còn cả người làm khoa học thể hiện cả trên bình diện đạo đức lẫn trên bình diện chuyên môn, như chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ “*Thói quen rất khó đổi. Cái tốt mà lạ, người ta có thể cho là xấu. Cái xấu mà quen người ta cho là thường*” (Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5, Nxb CTQG, tr 107). Vì vậy, việc xây dựng đạo đức nghề nghiệp phải xuất phát từ những thay đổi của tình hình để không ngừng bổ sung những nội dung mới, kết hợp chặt chẽ việc rèn luyện đạo đức với việc xây dựng, hoàn thiện thiết chế, thể chế đưa nội dung đạo đức nghề nghiệp vào chế độ quản lý công chức, viên chức, đồng thời kết hợp việc giáo dục đạo đức với công tác quản lý hàng ngày thiết thực, tránh hình thức, chú ý đến hiệu quả.

**Thay lời kết:** Sự nghiệp CNH, HĐH đất nước là thời cơ lớn để KH&CN thực sự trở

thành lực lượng sản xuất trực tiếp, cũng như tạo ra được một nguồn lực tài chính cho ứng dụng công nghệ cao vào cuộc sống. Với ý nghĩa quan trọng và tính chất phức tạp của công tác huy động nguồn lực tài chính, thực tiễn trong nước cũng như kinh nghiệm quốc tế (chưa đề cập trong nghiên cứu này) cho thấy cần thiết thực hiện nhiệm vụ này một cách khoa học và nhân văn. Tuy nhiên, đẩy mạnh phát triển KH&CN ở nước ta là thách thức rất lớn. Trong bộ máy quản lý KH&CN cũng như bộ máy quản lý các lĩnh vực chuyên ngành khác, hiện chưa có sự chung sức đủ lớn, nhất quán hành động để đưa KH&CN thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Việc tăng cường trách nhiệm của cả xã hội vì sự phát triển KH&CN là nhu cầu tất yếu khách quan. Đây cũng chính là nhiệm vụ và mục tiêu mà Đảng, Nhà nước và toàn thể nhân dân lao động đặt ra.

#### Tài liệu tham khảo

- [1] Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016) và các văn bản quy phạm pháp luật về KH&CN hiện hành.
- [2] Mạnh Hùng (2013). Đổi mới hoạt động KHCN ở doanh nghiệp: Tăng đầu tư cho nghiên cứu, Báo điện tử Chính phủ, truy cập từ <http://baodientu.chinhphu.vn/Home/Doi-moi-hoat-dong-KH-CN-o-doanh-nghiep-Tang-dau-tu-cho-nghien-cuu/20131/159226.vgp>.
- [3] Bùi Tiến Dũng (2016) “Thêm nhiều giải pháp tài chính cho phát triển khoa học và công nghệ”, Tạp chí Tài chính số 628, Kỳ 1 – tháng 3/2016.
- [4] Bùi Tiến Dũng (2015) “Chống chảy máu chất xám, lãng phí trí tuệ Việt Nam”, Tạp chí Cộng sản, chuyên mục Việt Nam trên đường đổi mới.
- [5] Phan Xuân Dũng (2016) “Đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Tạp chí Cộng sản, chuyên mục Nghiên cứu - trao đổi.
- [6] Bùi Tiến Dũng (2014) “Cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập”, Tạp chí Tài chính, Bộ Tài chính số 604, Kỳ 1- tháng 3/2014.
- [7] Nguyễn Hồng Sơn (2012) “Cơ chế tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ ở Việt Nam: Một số hạn chế và giải pháp hoàn thiện”, Tạp chí những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới số 6(194).

## To Unfreeze Financial Resources For High Technological Applications to Serve Production and Life

Bui Tien Dung<sup>1</sup>, Trinh Thanh Thuy<sup>2</sup>

<sup>1</sup>*Management Training Institute, Ministry of Science and Technology, 38 Ngo Quyen, Hoan Kiem, Hanoi*

<sup>2</sup>*Center of information technology, Ministry of Culture, Sports and Tourism,  
Hoa Lu, Hai Ba Trung, Hanoi*

**Abstract:** The article deals with the requirements, challenges and opportunities of Vietnam at the moment in terms of bringing high technologies to life. For successful high-tech applications in direct service of the economic sectors and social life, it is necessary to focus on developing internal strength or calling for foreign investment. This article proposes a number of activities to unfreeze financial resources to practically serve the high-tech reception and application in production and life.

*Keywords:* Science and technology, finance, enterprise.